

Số: 146 /BC-UBND

Bình Dương, ngày 04 tháng 7 năm 2018

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 001912
	Ngày 05-07-2018
Chuyên:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và
phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới.**

Năm học 2017-2018 năm bản lề thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm do Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra, là năm thứ tư thực hiện Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU ngày 03/4/2014 của Tỉnh ủy Bình Dương thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) đã chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của năm học 2017-2018; kết quả đạt được như sau:

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2017-2018

I. VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (Nghị quyết 29-NQ/TW)

Năm học 2017-2018 ngành GDĐT đề ra 9 nhiệm vụ, 5 giải pháp chủ yếu để thực hiện Nghị quyết 29 (theo Chỉ thị số 2699/CT-BGDĐT ngày 08/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2017-2018), trong đó đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ hàng đầu; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của lãnh đạo ngành đến hoạt động giáo dục của các cơ sở GDĐT và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học.

Tổ chức học tập, nghiên cứu quán triệt, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của toàn thể cán bộ công chức, viên chức, nhân viên trong ngành; triển khai thực hiện Nghị quyết; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với quá trình đổi mới giáo dục; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của GDĐT theo hướng đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Qua đó góp phần tạo chuyển biến tích cực về chất lượng và hiệu quả GDĐT, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước và nhu cầu học tập của nhân dân.

2. Công tác quản lý giáo dục và đào tạo



Đã chỉ đạo ngành GDĐT phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện nhu cầu học tập của con em nhân dân các địa phương. Triển khai thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ, Nghị quyết của HĐND tỉnh giao. Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển các trường THCS tạo nguồn và trường THPT chất lượng cao.

Ngành GDĐT tiếp tục thực hiện các nội dung: nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên; phát triển nguồn nhân lực; đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục; chú trọng nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra giáo dục các cấp

Ngành GDĐT đã xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác thanh tra, kiểm tra năm học 2017-2018; đảm bảo được việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra theo phân cấp và theo chức năng quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn; xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ thanh tra, thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra có đủ năng lực, kinh nghiệm, bản lĩnh trong thi hành nhiệm vụ thanh tra. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ thanh tra, cộng tác viên thanh tra về nghiệp vụ thanh tra; thực hiện nghiêm các văn bản pháp luật về thanh tra; tăng cường công tác thanh tra giáo dục và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Bộ GDĐT;

Trong năm học 2017-2018, Thanh tra Ngành GDĐT chưa phát hiện tham nhũng, tiêu cực đến mức xử lý vi phạm hành chính. Đồng thời, thông qua hoạt động thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành đã kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót của cá nhân, tổ chức, đơn vị được thanh tra; góp phần xây dựng nề nếp, kỷ cương trong thực hiện kế hoạch, nội dung dạy học, kiểm tra, thi cử, thi tuyển sinh, phòng ngừa các biểu hiện vi phạm pháp luật cũng như các tiêu cực, tham nhũng ... đồng thời thúc đẩy các giáo viên, nhà trường không ngừng đổi mới giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục.

II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thực hiện nhiệm vụ chung

Năm học 2017-2018, ngành GDĐT tiếp tục chỉ đạo toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và học sinh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Đặc biệt đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Chỉ đạo toàn ngành thực hiện nhiệm vụ năm học theo Chỉ thị số 2699/CT-BGDĐT ngày 08/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2017-2018 của ngành giáo dục.

1.1. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và giáo dục trung học

1.1.1. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

Đến nay có 91/91 xã, phường, thị trấn và 9/9 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi năm 2017, đạt tỷ lệ 100%.

1.1.2. Công tác xóa mù chữ (XMC), phổ cập giáo dục (PCGD) phổ thông

Cấp xã:

- Kết quả XMC đạt 100%, trong đó: Mức độ 1 có 14/91 đơn vị; mức độ 2 có 77/91 đơn vị.

- Kết quả PCGD tiểu học đạt 100%, trong đó: Mức độ 2 có 04/91 đơn vị; mức độ 3 có 87/91 đơn vị.

- Kết quả PCGD trung học cơ sở đạt 100%, trong đó: Mức độ 1 có 08/91 đơn vị; mức độ 2 có 56/91 đơn vị; mức độ 3 có 27/91 đơn vị.

- Phổ cập giáo dục bậc trung học (theo tiêu chuẩn của tỉnh) có 90/91 đơn vị (đạt 98,90%).

Cấp huyện:

- Kết quả XMC đạt 100% (tăng mức 1 đơn vị), trong đó: Mức độ 1 có 6/9 đơn vị; mức độ 2 có 03/9 đơn vị.

- Kết quả PCGD tiểu học đạt 100% (tăng mức 1 đơn vị), trong đó: Mức độ 2 có 2/9 đơn vị; mức độ 3 có 7/9 đơn vị.

- Kết quả PCGD trung học cơ sở đạt 100% (tăng mức 3 đơn vị), trong đó: Mức độ 1 có 3/9 đơn vị; mức độ 2 có 6/9 đơn vị.

- Phổ cập giáo dục bậc trung học (theo tiêu chuẩn của tỉnh) có 6/9 đơn vị.

Cấp tỉnh:

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ thì tỉnh Bình Dương đạt chuẩn quốc gia XMC mức độ 1, PCGD tiểu học mức độ 2 và PCGD trung học cơ sở mức độ 1. Mức độ đạt chuẩn XMC-PCGD toàn tỉnh so với năm 2016 được giữ vững và củng cố. Mặc dù mức độ đạt chuẩn chung của tỉnh không tăng nhưng chất lượng XMC-PCGD ở địa phương cấp xã được nâng cao rõ rệt.

1.2. Kết quả công tác phân luồng, tư vấn hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông; đa dạng hóa hình thức học tập cho người dân

UBND tỉnh đã triển khai đầy đủ các văn bản quy định của nhà nước, của Bộ GDĐT về công tác giáo dục hướng nghiệp.

Chỉ đạo ngành GDĐT có nhiều giải pháp như: Tạo điều kiện các trường TCCN, TCN tiếp cận học sinh lớp 9, lớp 12 hàng năm để giới thiệu về trường dạy nghề, trường chuyên nghiệp.. thu hút tuyển sinh.

1.3. Công tác giáo dục học sinh khuyết tật

Năm học 2017-2018 tỉnh Bình Dương có 696 học sinh khuyết tật học hòa nhập (trong đó TH: 597 học sinh; THCS: 88 học sinh; THPT: 11 học sinh).

Ngành giáo dục đã triển khai một số nội dung thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật năm học 2017-2018:

Kiến toàn hệ thống quản lý chuyên môn về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật của địa phương. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về giáo dục khuyết tật cho cán bộ, giáo viên và học sinh. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phù hợp với trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tạo cơ hội cho trẻ em hòa nhập cộng đồng. Huy động trẻ khuyết tật ra lớp và tiến hành lập hồ sơ: “Sổ theo dõi tiến bộ của trẻ”.

Hướng dẫn các cơ sở giáo dục, các trường thực hiện các chế độ ưu tiên hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong học tập thông qua các hình thức: miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp khác, cấp học bổng nhằm khuyến khích, động viên trẻ em có thành tích học tập tốt.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Giáo dục mầm non (GDMN)

Năm học 2017-2018, tỷ lệ huy động nhà trẻ so với trẻ trong độ tuổi: Trẻ nhà trẻ: 32,2%, mẫu giáo: 97,4%, trong đó mẫu giáo 5 tuổi đạt trên 99,7%. Tỷ lệ huy động trẻ các độ tuổi đạt và vượt chỉ tiêu.

Đã chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; công tác đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong các cơ sở GDMN, được các cấp quản lý thường xuyên quán triệt, tuyên truyền nhận thức, vai trò trách nhiệm, tình yêu thương trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với đội ngũ cấp học.

Chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe được quản lý khá chặt chẽ về chất lượng bữa ăn, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm tra sức khỏe, công tác phòng bệnh, phòng dịch; tổ chức đánh giá tình trạng dinh dưỡng định kỳ đối với trẻ và các giải pháp khắc phục kịp thời nên cơ bản giảm khá tốt tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi, thể nhẹ cân và không chế tỷ lệ thừa cân, béo phì.

Các cơ sở GDMN tích cực đổi mới hình thức, vận dụng phương pháp sáng tạo trong tổ chức các hoạt động giáo dục, đổi mới môi trường giáo dục phù hợp theo quan điểm giáo dục “ Lấy trẻ làm trung tâm, học bằng chơi - chơi mà học” nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình GDMN mới sau chỉnh sửa, bổ sung (Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016), tích cực xây dựng môi trường giáo dục An toàn - Thân thiện - Xanh - Sạch - Đẹp thông qua Cuộc thi “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” các cấp do Bộ GDĐT phát động.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục mầm non: Ngành GDĐT đã chủ động, tích cực tham mưu, tăng cường phối hợp các địa phương chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở tập trung quản lý nhà nước về GDMN trên địa bàn; chú trọng công tác cấp phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục trong kiểm tra, thẩm định các điều kiện về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, đặc biệt là các nhóm trẻ/lớp mẫu giáo độc lập tư thục; có biện pháp khắc phục, xử lý đối với những đơn vị không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, bảo đảm tuyệt đối an toàn cho trẻ.

2.2. Giáo dục phổ thông

2.2.1. Giáo dục tiểu học (GDTH)

Ngành GDĐT đã chỉ đạo công tác dạy học 2 buổi/ngày: Có 122 trường tiểu học, 111.145 học sinh, 2921 lớp học 2 buổi/ngày, đạt tỷ lệ 65.4 % (giảm so với năm học trước 0.6%). 107 trường tiểu học tổ chức bán trú cho 89.190 học sinh với 2483 lớp đạt tỷ lệ 52.3% (tăng so với năm học trước 0.3%).

Tổ chức dạy cho học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn (*thực hiện theo Quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐT ngày 22/05/2006 của Bộ GDĐT quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật*).

Về nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, tin học, đặc biệt là môn Tiếng Anh: Ngành GDĐT đã chỉ đạo dạy 1 ngoại ngữ duy nhất là tiếng Anh đối với cấp tiểu học. Có 100% học sinh tiểu học được học tiếng Anh bắt đầu từ lớp 1.

Về đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học:

- Thực hiện Dự án mô hình trường học mới Việt Nam (GPE-VNEN): Có 01 trường tham gia dự án VNEN - Trường Tiểu học Phước Sang, huyện Phú Giáo với tổng số lớp: 10 lớp (tăng 2 lớp so với năm học trước), tổng số học sinh: 243 học sinh.

- Thực hiện triển khai phương pháp Bàn tay nặn bột: Ngành GDĐT khuyến khích các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn các trường dạy môn Tự nhiên - Xã hội, môn Khoa học theo phương pháp Bàn tay nặn bột.

- Thực hiện dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới ở các trường tiểu học.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống (triển khai các hoạt động trải nghiệm sáng tạo).

* Kết quả cuối năm học 2017-2018:

- Hoàn thành chương trình lớp học: 97,5%.

- Còn rèn luyện trong hè: 2,5%.

- Hoàn thành chương trình tiểu học: 99,99%.

- Chưa hoàn thành chương trình tiểu học: 0,01% (04 học sinh)

2.2.2. Giáo dục Trung học – Giáo dục Thường xuyên

Ngành GDĐT đã chỉ đạo các trường, trung tâm xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh chất lượng giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo dục toàn diện, nâng cao kết quả học sinh giỏi quốc gia và thi THPT quốc gia; xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, tham gia đầy đủ các phong trào và hưởng ứng các cuộc vận động, công tác pháp chế, công tác thi đua, v.v...; chỉ đạo các phòng GDĐT tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo địa phương, tập trung mọi nguồn lực với các giải pháp tích cực để nâng cao chất lượng giáo dục; tích cực huy động các đối tượng diện Phổ cập giáo dục THCS ra lớp; nắm chắc tình hình, nguyên nhân học sinh bỏ học và có giải pháp khắc phục.

Tiếp tục đa dạng hóa hình thức giáo dục và đào tạo: Tích cực mở rộng mô hình liên kết Giáo dục thường xuyên - Trung cấp chuyên nghiệp và các lớp dạy nghề ngắn hạn.

Tiếp tục tập trung đổi mới đồng bộ phương pháp dạy - học và giáo dục, đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh theo hướng phát triển năng lực, tăng cường kỹ năng thực hành; vận dụng kiến thức kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy và học tạo ra sự chuyển biến tích cực, rõ nét về chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tập trung bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và CBQL giáo dục về năng lực chuyên môn, kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh; năng lực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; quan tâm phát triển đội ngũ tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán, giáo viên chủ nhiệm lớp; chú trọng đổi mới sinh hoạt chuyên môn; nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, của tổ chức Đoàn, Hội, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện học sinh.

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT. Xây dựng kế hoạch hướng nghiệp thực hiện “Giáo dục khởi nghiệp”, hoạt động giáo dục “Trải nghiệm sáng tạo” cho học sinh khối 9,10,11,12; xây dựng kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, có phân công nhiệm vụ cụ thể, có qui định thời gian thực hiện trong từng tháng.

Năm học 2017-2018 tổ chức tốt các kỳ thi học sinh giỏi các cấp và đạt thành tích cao. Kỳ thi học sinh giỏi THPT cấp quốc gia đạt 24 giải/54 học sinh dự thi, trong đó: 04 giải Nhì, 07 giải Ba, 13 giải Khuyến khích (so với năm 2017 tăng 9 giải).

Tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2018-2019 từ ngày 30/5 đến 02/6/2018 và chuẩn bị tốt mọi điều kiện tổ chức Kỳ thi THPT quốc gia năm 2018, đồng thời phối hợp với các sở, ngành, trường đại học có liên quan tổ chức Kỳ thi THPT quốc gia năm 2018 cho 11.396 thí sinh dự thi tại 21 điểm thi trong toàn tỉnh bảo đảm an toàn, nghiêm túc và đúng quy chế của Bộ GDĐT.

Kết quả kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2018-2019 (Đính kèm Phụ lục 1).

Tình hình tổ chức Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2018 tại tỉnh Bình Dương (Đính kèm Phụ lục 2).

Ngành GDĐT đã hợp đồng giảng viên Trường Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học sư phạm Hà Nội tập huấn cho giáo viên kỹ năng soạn giảng bằng hình thức trắc nghiệm và kỹ năng dạy cho học sinh làm bài thi trắc nghiệm chuẩn bị tốt cho kỳ thi THPT quốc gia 2018.

*** Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm năm học 2017-2018 (Đính kèm Biểu 3, Biểu 4)**

III. PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển đội ngũ

Tính đến cuối tháng 5/2018, tổng số công chức, viên chức, nhân viên toàn ngành là 20.737 người (không bao gồm số liệu ngoài công lập). Trong đó, nữ là 16.257 người, chiếm tỷ lệ 79,79%.

Số cán bộ quản lý toàn ngành: 1.111 người (749 nữ). Trình độ đạt chuẩn trở lên là 1.111 người, đạt tỷ lệ 100%, trong đó trên chuẩn là 992 người, đạt tỷ lệ 89,28%.

Số giáo viên trực tiếp dạy lớp tại các cơ sở giáo dục công lập: 14.724 người.

Trình độ giáo viên đạt chuẩn trở lên là 14.709/14.724 người, đạt tỷ lệ 99,90%, trong đó trên chuẩn là 10.525 người, đạt tỷ lệ 71,48%.

2. Công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức, nhân viên

2.1. Công tác quy hoạch

Quy hoạch lãnh đạo Sở: Hoàn thành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch giai đoạn 2015-2020 và Đề án quy hoạch giai đoạn 2020-2025.

Quy hoạch công chức lãnh đạo, quản lý khối trực thuộc và các đơn vị thuộc Sở:

- Kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch giai đoạn 2015-2020: Khối trực thuộc có 301 vị trí (cấp trưởng: 94 người/44 nữ; cấp phó 207 người/110 nữ). Khối phòng ban Sở có 58 vị trí (cấp trưởng: 25 người/12 nữ; cấp phó 33 người/13 nữ).

- Kết quả quy hoạch giai đoạn 2020-2025: Khối trực thuộc có 324 vị trí (cấp trưởng: 94 người/43 nữ; cấp phó 230 người/129 nữ). Khối phòng ban có 59 vị trí (cấp trưởng: 23 người/09 nữ; cấp phó 36 người/15 nữ).

2.2. Công tác đào tạo bồi dưỡng

Trong năm học 2017-2018, đã cử 1.585 công chức, viên chức, nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng về: chuyên môn (673 trường hợp), lý luận chính trị (56 trường hợp), quản lý giáo dục (55 trường hợp), bồi dưỡng (801 trường hợp).

2.3. Kết quả đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp các đơn vị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các cấp học và Giám đốc, Phó Giám đốc các Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học và Bồi dưỡng nghiệp vụ: 823/1.091 trường hợp đạt loại xuất sắc (tỷ lệ 75.4%), 250/1.091 trường hợp đạt loại Khá (tỷ lệ 22.9%), 18/1.091 trường hợp đạt loại Trung bình (tỷ lệ 1.6%).

3. Thực hiện chế độ chính sách

Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Trung ương và các chế độ hỗ trợ của tỉnh Bình Dương.

Ngành đã thực hiện rà soát chế độ, chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh; thực hiện dự thảo văn bản đề nghị hợp nhất, điều chỉnh, bổ sung chế độ, chính sách của tỉnh đối với ngành GDĐT, trong đó có việc đề nghị các chế độ, chính sách cho Trường THPT chuyên Hùng Vương.

4. Kỷ luật, khiếu nại, tố cáo

Trong năm, toàn ngành có 15 trường hợp bị kỷ luật (04 cán bộ quản lý và 11 giáo viên). Sau khi thực hiện các quy trình xử lý theo quy định, ngành đã quyết định kỷ luật khiển trách 08 trường hợp, cảnh cáo 02 trường hợp và buộc thôi việc 05 trường hợp.

Bên cạnh đó, ngành đã tiếp nhận 17 trường hợp khiếu nại, tố cáo và đã xử lý theo quy định.

IV. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH, TÀI CHÍNH, TĂNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ VÀ ĐỔI MỚI TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển giáo dục

1.1. Quy mô trường lớp

Cuối năm học 2017-2018, toàn ngành có **628** trường học và trung tâm giáo dục thường xuyên (tăng 37 trường so với cùng kỳ năm học 2016-2017, đính kèm Biểu 1).

(Từ tháng 12/2017 bàn giao 06 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã cho UBND cấp huyện quản lý về mặt nhà nước)

Ngoài ra toàn tỉnh còn có 01 Trung tâm Ngoại ngữ Tin học - Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh và 61 Trung tâm ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng văn hóa và luyện thi đại học (NCL).

Giáo dục đại học có 08 trường đại học (trong đó có 03 trường ngoài công lập).

1.2. Quy mô học sinh, sinh viên

Tính đến ngày 31/5/2018, tổng số học sinh, học viên các cấp học là **426.746** (tăng 38.332 học sinh so với cùng kỳ năm học 2016-2017, đính kèm Biểu 1).

2. Công tác xây dựng cơ bản trường học

Ngành GDĐT tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành trong tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố việc khảo sát, góp ý thiết kế và thống nhất danh mục đầu tư theo từng kỳ kế hoạch theo thứ tự ưu tiên đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Kết quả đạt được như sau (chỉ tính trường công lập):

- Năm 2017: Có 12 công trình trường học được đầu tư xây dựng với tổng kinh phí 614 tỷ 954 triệu đồng.

- Đến 31/5/2018 có 06 công trình trường học hoàn thành với tổng mức đầu tư 207 tỷ 634 triệu và 30 công trình đang thi công với tổng mức đầu tư ước tính 1.793 tỷ 108 triệu đồng.

3. Kết quả thực hiện lâu hóa

Năm học 2017-2018, tỉnh đã đẩy mạnh công tác đầu tư xây mới và lâu hóa trường học, kết quả toàn tỉnh 310/628 trường, trung tâm (tăng 09 trường so với cùng kỳ năm học trước), đạt tỷ lệ 49,36%. Trong đó:

- Trường công lập: 271 trường lâu/381 trường, tỷ lệ: 71,13%.
- Trường ngoài công lập: 39 /247 trường, đạt tỷ lệ 15,78%.

4. Kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Năm học 2017-2018, toàn tỉnh có 251/370 trường công lập đạt chuẩn quốc gia (số đăng ký đầu kỳ), đạt tỷ lệ 67,84%; cụ thể như sau:

4.1. Đối với trường công lập

- Mầm non: 81/120 trường, đạt tỷ lệ 67,5%.
- Tiểu học: 102/150 trường, đạt tỷ lệ 68%.
- Trung học cơ sở: 52/72 trường, đạt tỷ lệ 72,2%.
- Trung học phổ thông: 16/28 trường, đạt 57,14%.

4.2. Đối với trường ngoài công lập

Toàn tỉnh hiện có 01 trường phổ thông nhiều cấp học (TH-THCS-THPT Pétrus Ký) đạt chuẩn quốc gia.

5. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục các cấp

Tính đến ngày 31/5/2018, toàn tỉnh có 101 trường công lập đạt kiểm định chất lượng giáo dục (83 trường cấp độ 3, 09 trường cấp độ 2, 09 trường cấp độ 1), cụ thể như sau:

- Mầm non: 36 trường (22 trường cấp độ 3, 07 trường cấp độ 2 và 07 trường cấp độ 1).
- Tiểu học: 40 trường (37 trường đạt cấp độ 3, 01 trường cấp độ 2 và 02 trường cấp độ 1).
- Trung học cơ sở: 22 trường (21 trường cấp độ 3 và 01 trường cấp độ 2)
- Trung học phổ thông: 03 trường được công nhận đạt cấp độ 3.

6. Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển cơ sở vật chất trường học

Năm học 2017-2018 có 91/91 xã, phường, thị trấn có trường mầm non, tiểu học (đạt 100%); 69/91 xã, phường, thị trấn có trường THCS (đạt 75,8%). Với số trường mầm non, tiểu học, THCS hiện có các địa phương đã bảo đảm đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục (PCGD) mầm non cho trẻ 5 tuổi, PCGD tiểu học và PCGD THCS.

Đối với giáo dục THPT, tất cả các huyện, thị xã, thành phố đều có trường THPT hoặc phổ thông trung học (trường THCS-THPT); đặc biệt các vùng kinh tế phát triển (thành phố Thủ Dầu Một) số lượng trường phổ thông ngoài công lập khá

phát triển. Hiện nay, các trường THPT đủ để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh.

7. Công tác thiết bị trường học

7.1. Công tác đầu tư trang thiết bị trường học

Năm học 2017-2018, ngành GDĐT đã đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy như sau:

- Trang bị thiết bị cho 58 trường mầm non gồm: Đồ chơi vận động thông minh trong nhà, Đồ chơi vận động thông minh ngoài trời, Bộ thiết bị phát triển ngôn ngữ, làm quen tiếng Anh và kỹ năng tìm kiếm thông tin cho trẻ: 92 tỷ 888 triệu.

- Trang bị thiết bị đồ chơi ngoài trời cho 33 trường tiểu học: 31 tỷ 188 triệu.

- Trang bị 52 phòng máy vi tính cho 52 đơn vị trường học (31 Tiểu học, 14 THCS, 05 THPT và 02 trung tâm GDTX): 35 tỷ 483 triệu.

- Trang bị 50 bộ thiết bị môn Giáo dục quốc phòng cho 28 trường Trung học phổ thông: 4 tỷ 844 triệu.

- Trang bị bộ sách tiếng Anh cho 120 trường (50 Tiểu học, 50 THCS, 20 THPT) và phần mềm Itool cho 166 trường (150 Tiểu học, 16 THCS) phục vụ Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong trường phổ thông giai đoạn 2012-2017”: 9 tỷ 350 triệu.

- Trang bị 48 bộ thiết bị dạy học tiếng Anh cho các trường phục vụ Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong trường phổ thông giai đoạn 2012-2017”: 9 tỷ 945 triệu.

- Năm 2017 Sở GDĐT đã đầu tư cho 29 trường phổ thông công lập (01 trường mầm non, 06 trường TH, 14 trường THCS, 08 trường THPT) thiết bị dạy học tiên tiến với tổng kinh phí 118 tỷ đồng.

Đến nay ngành GDĐT đã hoàn thành việc khảo sát trang bị thiết bị dạy học tiên tiến cho 15 trường phổ thông trong năm 2018.

7.2. Công tác quản lý, sử dụng, khai thác trang thiết bị trường học

Qua kiểm tra, hầu hết các trường có nhiều cố gắng đảm bảo các nguyên tắc trong quản lý, thực hiện tốt việc mượn và sử dụng thiết bị dạy học; thực hiện đầy đủ các loại sổ sách theo qui định, cập nhật kịp thời; có kế hoạch năm học về công tác thiết bị; tăng cường sử dụng thiết bị CNTT để nâng cao chất lượng bài giảng.

Việc bảo quản thiết bị dạy học khá tốt, các phòng thí nghiệm thực hành, phòng chức năng được vệ sinh sạch sẽ. Trong năm học các nhà trường không để xảy ra mất mát lớn.

8. Công tác kế hoạch tài chính

Đã chỉ đạo ngành GDĐT thực hiện tốt công tác tham mưu lĩnh vực tài chính, nhiều kế hoạch và giải pháp đã được đề ra, bảo đảm nguyên tắc quản lý chỉ đạo hoạt động tài chính, như: xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm 2018; Kế hoạch triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của lĩnh vực GDĐT đến năm 2025 và định hướng đến 2030, đồng thời đề xuất các giải pháp đầu tư xây dựng

trường học, đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học, xã hội hoá GDĐT đáp ứng yêu cầu phát triển GDĐT của tỉnh hiện nay và trong thời gian tới. Ngoài ra, còn tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết 01-NQ/HĐND ngày 20/7/2017 về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 – 2021.

Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lên dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018, Sở GDĐT đã phối hợp Sở Tài chính lập hồ sơ trình UBND tỉnh ban hành quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018. Đến nay, Sở đã hoàn thành công tác giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc.

9. Công tác xã hội hóa giáo dục

Công tác xã hội hóa tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt là xã hội hoá giáo dục mầm non, mạng lưới trường, lớp mầm non ngoài công lập (NCL) phát triển đều khắp các địa phương, nhất là những vùng có nhiều khu, cụm công nghiệp.

Tính đến tháng 05/2018, toàn tỉnh có 247 trường học được xây dựng theo chủ trương xã hội hoá; trong đó, giáo dục mầm non có 237 trường NCL; giáo dục phổ thông có 10 trường NCL. Ngoài ra, toàn tỉnh còn có 78 trung tâm, chi nhánh ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng văn hóa, luyện thi đại học. Hệ đại học có 3 trường NCL (ĐH Bình Dương, ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương, ĐH Quốc tế Miền Đông).

Đối với công tác huy động các nguồn kinh phí hỗ trợ giáo dục các năm qua, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, các lực lượng xã hội khác đã tích cực tham gia hỗ trợ vật chất và học bổng cho học sinh, góp phần tháo gỡ những khó khăn cho ngành giáo dục tỉnh với kinh phí bình quân trên 30 tỷ đồng/năm.

Học phí, kinh phí đóng góp từ khối ngoài công lập bình quân 650 tỷ đồng/năm, nhiều nhất là ở khối các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và giáo dục mầm non.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những thuận lợi, kết quả đạt được

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và sự phối hợp, hỗ trợ tích cực của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, của các cấp chính quyền địa phương và sự nỗ lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục và đào tạo trong công tác phát triển GDĐT của tỉnh.

Mạng lưới nhà trường, trung tâm các cấp học của tỉnh được phân bố hợp lý. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm tỷ lệ khá cao. Chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo ngày càng được củng cố và từng bước nâng cao. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và trường lớp được chú trọng đầu tư theo hướng chuẩn hóa, bảo đảm đầy đủ số lượng, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh và giảng dạy của giáo viên.

Nhận thức của nhân dân về xã hội hóa GDĐT có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng có nhiều tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đóng góp, xây dựng hệ



thống các trường mầm non ngoài công lập; hỗ trợ, giúp đỡ cho trường học và học sinh là con em gia đình chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; cấp học bổng cho học sinh giỏi, tạo điều kiện để các em học tập tốt...

2. Hạn chế, yếu kém

Hiện nay giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học của ngành GDĐT đang thiếu trường lớp, thiếu giáo viên và áp lực về nhu cầu học tập của con em nhân dân ngày càng gia tăng. Nguyên nhân là do hàng năm một lượng lớn lực lượng lao động đến làm ăn, sinh sống và đem theo nhiều trẻ trong độ tuổi đi học đến Bình Dương, từ đó nhu cầu học tập của hai cấp học nêu trên tăng nhanh qua từng năm.

3. Các giải pháp trong thời gian tới

Để đáp ứng nhu cầu học tập cho con em nhân dân, không để các nhà trường phải tổ chức học 3 ca, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành GDĐT đã phối hợp chính quyền địa phương thực hiện các giải pháp về trường lớp, giáo viên như:

- Thực hiện phương án tăng số lớp/ trường, tăng số học sinh/ lớp; giảm số lớp học 2 buổi/ngày.

- Cùng cố, tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục mầm non nhằm giải quyết kịp thời nhu cầu chăm sóc và nuôi dạy trẻ hiện nay nhất là những địa phương tập trung đông dân cư, khu công nghiệp phát triển...;

- Trong khi chờ quyết định của cấp có thẩm quyền và để đảm bảo nhân sự cho năm học mới 2018-2019, ngành Giáo dục và Đào tạo chủ động thống kê, rà soát lại toàn bộ đội ngũ, giáo viên của từng trường, từng cấp học, đồng thời căn cứ số lượng học sinh thực tế (tăng/giảm) và các quy định hiện hành để có giải pháp bố trí lại biên chế của các đơn vị cho phù hợp. Trước mắt, điều động nhân sự từ nơi thừa sang nơi thiếu theo đúng các quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong thời gian chờ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ chủ yếu và các nhóm giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm học 2018 – 2019; ngành GDĐT tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn trọng tâm sau đây:

- Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018 đối với các cấp học; báo cáo đánh giá kết quả triển khai, thực hiện các lĩnh vực công tác năm học 2017-2018 cho Bộ GDĐT; báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT và tổ chức tổng kết năm học 2017-2018 và triển khai nhiệm vụ năm học 2018-2019.

- Tổ chức thực hiện và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý giáo dục THPT hè năm 2018 và năm học 2018-2019; xây dựng kế hoạch biên chế năm học; hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch tổ chức các kỳ thi, cuộc thi do Bộ GDĐT tổ chức trong năm học 2018-2019.

- Phối hợp với các trường đại học chuyên ngành xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn hè năm 2018 cho giáo viên về kỹ năng soạn giảng bằng hình thức trắc nghiệm và kỹ năng dạy cho học sinh làm bài thi trắc nghiệm chuẩn bị tốt cho Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019.

- Kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học theo kế hoạch vào cuối năm 2018; kiểm tra cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục chuẩn bị năm học mới 2018-2019; hướng dẫn tổ chức khai giảng năm học 2018-2019; tổ chức thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh năm 2018 dành cho học sinh trung học; tổ chức xét và trao tặng Huy hiệu “Vì sự nghiệp trồng người” năm học 2017-2018 cho giáo viên, viên chức ngành GDĐT tỉnh Bình Dương; v.v...

Trên đây là báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, NV, TC, KHĐT;
- LĐVP;
- Lưu: VT, H, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Hưng

Phụ lục 1

Kết quả kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2018-2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 146 /BC-UBND ngày 04 /7/2018 của UBND tỉnh)



Tổng hợp kết quả thi các môn:

Toán: 15.517 bài - tổng số bài từ 5 điểm trở lên là: 5476 (35,29%); so với năm học 2017-2018 là 5127 (40.45 %).

Ngữ văn: 15.519 bài - tổng số bài từ 5 điểm trở lên là 12.131 (78,17 %); so với năm 2017-2018 là là 6964 (54.91 %).

Anh: 15.518 bài - tổng số bài từ 5 điểm trở lên là: 4487 (28,91%); so với năm 2017-2018 là 1578 (12,45%).

Các môn Chuyên:

Toán: 265, Ngữ văn: 110, tiếng Anh: 327, Vật lý: 104, Hóa học: 128, Sinh học: 67, Lịch sử: 11, Địa lý: 17, Tin học: 18.



Phụ lục 2

Tình hình thi trung học phổ thông quốc gia năm 2018

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh)

1. Tình hình thí sinh đăng ký dự thi

Tổng số thí sinh đăng ký dự thi Kỳ thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia năm 2018 là 11.396 thí sinh. Trong đó:

- Số thí sinh chỉ đăng ký xét tốt nghiệp: 554;
- Số thí sinh đăng ký xét tốt nghiệp và thi tuyển sinh: 9.995;
- Số thí sinh đăng ký chỉ thi tuyển sinh: 847.

Cụ thể từng môn thi như sau: Toán: 11.340; Vật lý: 6.501; Hóa học: 6.449; Sinh học: 6.279; Ngữ văn: 11.088; Lịch sử: 4.820; Địa lý: 4.415; Ngoại ngữ: 9.446; Giáo dục công dân: 3.244.

2. Bố trí Điểm thi, số phòng thi, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát, trưởng điểm

Mã Điểm thi	Tên Điểm thi	Số phòng thi	Số thí sinh tại Điểm thi
1.	THPT chuyên Hùng Vương	24	576
2.	THPT Võ Minh Đức	34	816
3.	THPT An Mỹ	25	600
4.	THPT Nguyễn Đình Chiểu	24	573
5.	THPT Trịnh Hoài Đức	29	696
6.	THPT Nguyễn Trãi	27	626
7.	THPT Dĩ An	25	600
8.	THCS Võ Trường Toản	35	834
9.	THPT Huỳnh Văn Nghệ	24	558
10.	THPT Tân Phước Khánh	25	596
11.	THPT Bến Cát	21	504
12.	THCS Mỹ Phước	11	243
13.	THPT Bàu Bàng	20	480
14.	THPT Phước Vĩnh	35	826
15.	THPT Dầu Tiếng	15	360
16.	THCS Nguyễn Bình Khiêm	15	351

Mã Điểm thi	Tên Điểm thi	Số phòng thi	Số thí sinh tại Điểm thi
17.	THCS Chu Văn An	19	456
18.	THCS Chánh Nghĩa	19	456
19.	THCS Phú Mỹ	17	398
20.	THCS Định Hòa	14	392
21.	THPT Bình Phú	19	455
Tổng cộng		477	11.396

3. Tình hình thí sinh dự thi

Môn thi	Số thí sinh đăng ký dự thi	Số điểm thi	Số phòng thi	Số thí sinh dự thi	Số thí sinh vắng thi	Tỷ lệ % thí sinh dự thi	Số cán bộ vi phạm quy chế			Số thí sinh vi phạm quy chế		
							Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ	Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ
Tổng số	11.396	21	477	11.394	2	99,98	0	0	0	0	0	0
<i>Trong đó cụ thể từng môn thi như sau:</i>												
Ngữ văn	11.088	21	468	11.028	60	99,46	0	0	0	0	0	0
Toán	11.340	21	477	11.263	77	99,32	0	0	0	0	0	0
Vật lí	6.501	20	280	6.466	35	99,46	0	0	0	0	0	0
Hóa học	6.449	20	278	6.418	31	99,52	0	0	0	0	0	0
Sinh học	6.279	20	271	6.266	13	99,79	0	0	0	0	0	0
Tiếng Anh	9.431	18	399	9.404	27	99,71	0	0	0	0	0	0
Tiếng Nhật	13	5	5	13	0	100	0	0	0	0	0	0
Tiếng Trung	2	2	2	2	0	100	0	0	0	0	0	0
Lịch sử	4.820	15	214	4.765	55	98,86	0	0	0	0	0	0
Địa lí	4.415	15	195	4.370	45	98,98	0	0	0	0	0	0
GDCD	3.244	13	146	3.229	10	99,54	0	0	0	0	0	0

4. Đánh giá chung

Cán bộ coi thi thực hiện nghiêm túc, không có cán bộ coi thi vi phạm quy chế thi.

Số thí sinh có vắng nhiều, tuy nhiên chỉ tập trung ở thí sinh tự do dự thi để xét tuyển đại học, cao đẳng và không có thí sinh nào vi phạm quy chế thi.



Phụ lục 3

Các biểu mẫu kèm theo Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 446 /BC-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh)

Biểu 1: PHÁT TRIỂN MẦM NON, TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH (MẦM NON, PHỔ THÔNG, GDTX)
NĂM HỌC 2017-2018 (Số tuyệt đối – tỷ lệ %)

STT	Cấp học	Trường	Trong đó		Lớp	Trong đó		Học sinh	Trong đó		Tỷ lệ HS ngoài công lập (%)
			CL	NCL		CL	NCL		CL	NCL	
1	Mầm non	359	122	237	4174	1263	2911	132209	44618	87591	66,25
	Nhà trẻ	0	0	0	990	116	874	22869	3219	19650	85,92
	Mẫu giáo	0	38	9	3184	1147	2037	109340	41399	67941	62,14
	Nhà trẻ 16-17	0	0	0	854	107	747	20256	3066	17190	84,86
	Mẫu giáo 16-17	62	53	9	2873	1132	1741	99249	41672	57577	58,01
So với năm 16-17 (Tăng, giảm)		35	2	33	447	24	423	12704	-120	12824	
(%)		10,8	1,7	16,2	12	1,9	17	10,6	-0,3	17,2	
2	Tiểu học	152	151	1	4402	4296	106	170270	168007	2263	1,33
	Tiểu học 16-17	152	151	1	4162	4098	64	155334	154084	1250	
So với năm 16-17 (Tăng, giảm)		0	0	0	240	198	42	14936	13923	1013	
(%)		0	0	0	5,77	4,83	65,63	9,62	9,04	81,04	
3	THCS	75	73	2	2428	2341	87	91247	88840	2407	2,64
	THCS 16-17	73	71	2	2239	2173	66	82509	80455	2054	
So với năm 16-17 (Tăng, giảm)		2	2	0	189	168	21	8738	8385	353	
(%)		2,74	2,82	0	8,44	7,73	31,82	10,59	10,42	17,19	
4	THPT	35	28	7	851	754	97	28502	25316	3186	11,18
	THPT 16-17	34	28	6	803	729	74	26653	24237	2416	
So với năm 16-17 (Tăng, giảm)		1	0	1	48	25	23	1849	1079	770	
(%)		2,94	0	16,67	5,98	3,43	31,08	6,94	4,45	31,87	
5	GDTX	7	7	0	134	134	0	4518	4518	0	0
	GDTX 16-17	7	7	0	121	121	0	3368	3658	0	
So với năm 16-17 (Tăng, giảm)		0	0	0	13	13	0	1150	860	0	
(%)		0	0	0	10,74	10,74	0	34,14	23,51	0	
	Tổng cộng các cấp học	628	381	247	11989	8788	3201	426746	331299	95447	22,37

	Tổng 16-17	591	378	213	11052	8360	2692	388414	307927	80487	
	<i>So với năm 16-17 (Tăng, giảm)</i>	37	3	34	937	428	509	38332	23372	14960	
	<i>(%)</i>	6,26	0,79	15,96	8,48	5,12	18,91	9,87	7,59	18,59	



SỐ LƯỢNG VÀ TỈ LỆ HỌC SINH BỎ HỌC CÁC NĂM

TT		Năm học 2017 - 2018 (Tính đến 31/5/2018)		Năm học 2016 - 2017 (Tính đến 31/5/2017)		Năm học 2015 - 2016 (Tính đến 31/5/2016)		Năm học 2014 - 2015 (Tính đến 31/5/2015)		Năm học 2013 - 2014 (Tính đến 31/5/2014)	
		Tổng số học sinh	Tỷ lệ %	Tổng số học sinh	Tỷ lệ %	Tổng số học sinh	Tỷ lệ %	Tổng số học sinh	Tỷ lệ %	Tổng số học sinh	Tỷ lệ %
1	Tổng số HS đầu năm học	294.296		276.037		250.040		230.950		211.081	
2	Tổng số HS bỏ học	1.059	0,36	967	0,35	1.032	0,41	1014	0,44	1086	0,51
2.1	HS tiểu học bỏ học	41	0,02	45	0,03	54	0,02	121	0,09	135	0,10
2.2	HS THCS bỏ học	829	0,88	737	0,87	796	0,32	681	0,98	701	1,11
2.3	HS THPT bỏ học	189	0,66	185	0,68	182	0,07	212	0,91	250	1,15

Biểu 3: KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC, HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2017-2018 (GDPT)

(tỷ lệ %)

TT	CẤP HỌC	Tổng số HS	Hạnh kiểm				Học lực				
			Tốt	Khá	TB	Yếu	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém
1	THCS	91.247	81,28	17,76	0,91	0,05	24,66	3196	34,66	8,08	0,64
2	THPT	28.502	91	8,03	0,84	0,13	13,31	48,18	35,98	2,49	0.04

Biểu 4: KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC, HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2017-2018 (GDTX)

(tỷ lệ %)

TT	CẤP HỌC	Tổng số HS	Hạnh kiểm				Học lực				
			Tốt	Khá	TB	Yếu	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém
1	THCS	95	55,79	37,89	6,32	0	9,47	40	44,21	1,05	5,26
2	THPT	4.413	64,86	30,69	3,96	0,49	2,07	23,23	56,51	16	2,17



Biểu 5: BÁO CÁO THỐNG KÊ TÌNH HÌNH ĐỘI NGŮ CBQL, GV, NV NĂM HỌC 2017 – 2018

Tổng số	CBQL							Giáo viên						Nhân viên/ Chuyên viên						
	Tổng số	MN	TH	THCS	THPT	GDTC + TT. NNTH BDNV	Sở + Phòng GDĐT	Tổng số	MN	TH	THCS	THPT	GDTC + TT. NNTH BDNV	Tổng số	MN	TH	THCS	THPT	GDTC + TT. NNTH BDNV	Sở + Phòng GDĐT
20.737	1.111	351	422	192	91	6	49	14.724	2.728	6.044	4.252	1.639	61	4.902	1.663	1.648	1.007	427	38	119
Tăng + (so với năm học trước)	+1			1				+670	56	326	288			+46	46					
Giảm -	-32	2	3		6	18	3	-193				14	179	- 212		55	65	18	71	3

Do từ năm học 2017-2018, 06 Trung tâm GDTX-KT-HN (Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên, Phú Giáo, Dầu Tiếng) là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã quản lý.